

2026

Danh mục thuốc

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2026

Các sản phẩm vì sức khỏe thuộc danh mục thuốc này được liệt kê trong trang tiếp theo.



Cập nhật ngày: 1 tháng 1 năm 2026.
Danh mục thuốc này có thể thay đổi và tất cả những phiên bản danh mục thuốc trước đó sẽ không còn hiệu lực.
AMB25-IL-C-00023-VIE

AmbetterHealth.com/en/il/resources/pharmacy-resources

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc kê toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng tránh và được quy định theo Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ loại biệt dược có giá cao hơn và các thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào biểu mẫu Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ.
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không áp dụng nữa.
D/D+/C	Không áp dụng	Các loại thuốc trong danh mục thuốc có ký hiệu D/D+/C đi kèm có thể áp dụng khoản đồng thanh toán khác đối với các thiết kế quyền lợi nhất định. Vui lòng tham khảo các tài liệu về quyền lợi của quý vị để biết thêm thông tin.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiants Non-Amphetamine		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 EA daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
METHYLIN SOLN (<i>methylphenidate hcl</i>)	2	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin NEBU</i>	3	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	3	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24	3	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24	3	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	3	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	3	QL(2 EA daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	3	QL(2 EA daily); SP; PA
Antirheumatic Antimetabolites		
OTREXUP SOAJ 10 MG/0.4ML, 12.5 MG/0.4ML, 15 MG/0.4ML, 17.5 MG/0.4ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.4ML, 25 MG/0.4ML	3	PA
RASUVO SOAJ 7.5 MG/0.15ML, 10 MG/0.2ML, 12.5 MG/0.25ML, 15 MG/0.3ML, 17.5 MG/0.35ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.45ML, 25 MG/0.5ML, 30 MG/0.6ML	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA			
ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA			
ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); PA			
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ 80 MG/0.8ML	4	QL(0.0143 ML daily); PA	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ 40 MG/0.4ML	4	QL(0.143 ML daily); PA			
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.143 ML daily); PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEVIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA			
ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	3	PA
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
			YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
			Gold Compounds		
			AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
			RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
			Interleukin-1 Blockers		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA	<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
Interleukin-6 Receptor Inhibitors			<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	3	QL(3.6 ML per 28 day(s) retail; 4 ML per 28 days mail); SP; PA	<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	3	QL(20 ML per 28 day(s) retail; 20 ML per 28 days mail); SP; PA	<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	3	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA	<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(20 EA per fill retail; 20 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
ACTEMRA SOSY	3	QL(3.6 ML per 28 day(s) retail; 4 ML per 28 days mail); SP; PA	<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
KEVZARA SOAJ	3	QL(0.082 ML daily); PA	<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	QL(5 EA daily); PA
KEVZARA SOSY	3	QL(0.082 ML daily); PA	<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)			<i>nabumetone</i>	1B	
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B		<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B		<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B		<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B		<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B		<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B		<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B		<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC	Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A		OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	QL(1 EA daily); PA
			OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
			OTEZLA TABS	3	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OTEZLA TBPk	3	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TBPk	3	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	3	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	3	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOLN	3	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	3	QL(0.286 ML daily); SP; PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	3	QL(0.146 ML daily); PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Salicylates		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A	
<i>diflunisal TABS</i>	1B	
<i>salsalate</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Opioid Agonists		
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)	<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B		<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 days.; QL(6 EA daily)	<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA
<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ML daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B		<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)	<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)	<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)
METHADONE HCL SOLN IJ (<i>methadone hcl</i>)	1B		Opioid Combinations		
<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)
<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B		<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)			
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	Opioid Partial Agonists		
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>BRIXADI (WEEKLY) SOSY</i>	2	
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)	<i>BRIXADI SOSY 64 MG/0.18ML, 96 MG/0.27ML, 128 MG/0.36ML</i>	2	
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL</i>	1A	
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1A	
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA	<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1A	
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)	<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)	<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
			<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
			<i>SUBLOCADE SOSY</i>	2	
			<i>SUBOXONE FILM SL (buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate)</i>	2	
			<i>ZUBSOLV SUBL</i>	2	
			ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
			Androgens		
			<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 EA daily); PA
			<i>danazol CAPS</i>	1B	
			<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
			<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	3	QL(1.6 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 GM daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1A	
NITRO-BID OINT		
<i>nitroglycerin CPR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV		
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANGIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	4	QL(0.018 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide hfa 17 MCG/ACT</i>	1B	QL(0.44 GM daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ML daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	2	QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	1B	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	PA
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (<i>fluticasone furoate (inhalation)</i>)	2	
BECLOMETHASONE DIPROP HFA 40 MCG/ACT, 80 MCG/ACT	2	
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1B		<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B		<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 GM daily)	<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ML daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2		<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ML daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2		<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	
QVAR REDHALER	2		<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	
Sympathomimetics			SEREVENT DISKUS	2	
ADVAIR HFA AERO (<i>fluticasone-salmeterol</i>)	1B		STIOLTO RESPIMAT	2	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B		STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	QL(15 ML daily)	<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B		<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B		TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B		<i>umeclidinium-vilanterol</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ML daily)	Xanthines		
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2		<i>theophylline ELIX</i>	1B	
BREO ELLIPTA	2		<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ML daily)
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)	<i>theophylline TB12</i>	1B	
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B		<i>theophylline TB24</i>	1B	
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)	ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
DULERA	2		Coumarin Anticoagulants		
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B		<i>warfarin sodium TABS</i>	1A	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B		Direct Factor Xa Inhibitors		
			ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
			ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
			<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
			<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)	<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
XARELTO TABS 15 MG	2	QL(2 EA daily)	Thrombin Inhibitors		
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
Heparins And Heparinoid-Like Agents			ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	3	QL(6 ML daily)	AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	3	QL(0.6 ML daily); SP	<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	3	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP	<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	3	QL(2 ML daily)	<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	3	QL(1.6 ML daily)	<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	3	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP	Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	3	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP	<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	3	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP	<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	3	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP	<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	3	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP	<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
FRAGMIN SOSY	3	SP; PA	NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
			Anticonvulsants - Misc.		
			BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 EA daily); PA
			BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA
			<i>brivaracetam SOLN PO 10 MG/ML</i>	1B	QL(20 ML daily); PA
			BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML (<i>brivaracetam</i>)	3	QL(20 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbamazepine CHEW</i>	1B		<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
DIACOMIT CAPS 500 MG	3	QL(6 EA daily); PA	<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
DIACOMIT CAPS 250 MG	3	QL(12 EA daily); PA	<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	3	QL(12 EA daily); PA	<i>pregabalin SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	3	QL(6 EA daily); PA	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
EPIDIOLEX	3	PA	<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ML daily); PA
<i>eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1B		<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 EA daily); PA
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ML daily)	TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B		TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ML daily)	<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 EA daily)	<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 EA daily)	<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lamotrigine TABS 200 MG</i>	1B	QL(2.5 EA daily)	<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>lamotrigine TABS 100 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)	<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>lamotrigine TABS 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>lamotrigine TABS 25 MG</i>	1B	QL(20 EA daily)	Carbamates		
<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
Hydantoins		
DILANTIN	2	
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS</i>	1B	
<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 EA daily)
MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1A	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1A	
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1A	
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1A	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B	
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B	
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B	
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B	
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B	
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B	
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B	
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1A	
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	PA
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
NORPRAMIN TABS 10 MG, 25 MG (<i>desipramine hcl</i>)	2	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
Biguanides		
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1A	QL(2.5 EA daily)
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1A	QL(5 EA daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1B	QL(0.035 EA daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)
JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
Incretin Mimetic Agents		
<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily)
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA
TRULICITY 0.75 MG/0.5ML, 1.5 MG/0.5ML	2	QL(0.15 ML daily); PA
TRULICITY 3 MG/0.5ML, 4.5 MG/0.5ML	2	QL(0.143 ML daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ML daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ML daily)
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2	
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2	
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B	
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B	
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	1B	
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	1B	D
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	1B	D
NOVOLOG PENFILL SOCT	1B	
NOVOLOG SOLN IJ	1B	
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	2	
TRESIBA SOLN	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Benzodiazepine Antagonists		
<i>flumazenil</i>	1A	
Opioid Antagonists		
KLOXXADO LIQD	0	
<i>naloxone hcl LIQD</i>	0	RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naloxone hcl SOCT</i>	0	
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	0	
<i>naloxone hcl SOSY</i>	0	
<i>naltrexone hcl</i>	1A	
NARCAN LIQD (<i>naloxone hcl</i>)	0	RX/OTC
OPVEE NA	2	
REXTOVY LIQD	0	
REZENOPY LIQD 10 MG/0.11ML	0	
RIVIVE LIQD	0	
VIVITROL	2	
ZIMHI SOSY	0	
ZURNAI IJ 1.5 MG/0.5ML	2	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily); PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily); PA
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungals		
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSR</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)
<i>posaconazole TBEC</i>	3	QL(6 EA daily)
TOLSURA CAPS	3	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	
XYZAL ALLERGY 24HR CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML	2	QL(10 ML daily); RX/OTC
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 EA daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1A	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1A	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	3	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	3	QL(0.0714 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
REPATHA SOSY	3	QL(0.0714 ML daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1A	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1A	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1A	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)
EDARBI	3	QL(1 EA daily); PA
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine hcl TABS</i>	1A	QL(8 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clonidine PTWK</i>	1B	QL(0.15 EA daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B		<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>guanfacine hcl</i>	1B		<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	PA
<i>terazosin hcl</i>	1B		<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
Antihypertensive Combinations			<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	PA	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3		<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B		<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B		<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)	Antihypertensives - Misc.		
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>VECAMYL</i>	3	PA
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	Direct Renin Inhibitors		
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B		<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B				
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1A				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>metronidazole TABS 250 MG, 500 MG</i>	1B	
<i>pentamidine isethionate IN</i>	1B	
<i>tinidazole</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days.; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1A	
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer					
Alkylating Agents					
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA	<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA	<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	3	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	3	SP; PA	<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA	<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	3	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (<i>lomustine</i>)	3	PA	<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
GLEOSTINE 10 MG (<i>lomustine</i>)	3	SP; PA	<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA	<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	3	SP; PA	<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>lomustine 10 MG</i>	3	SP; PA	TABLOID	3	SP; PA
<i>lomustine 40 MG, 100 MG</i>	3	PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	3	SP; PA
<i>melphalan</i>	1B		Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
<i>melphalan hcl IV</i>	1B		INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA
MYLERAN TABS	4	SP; PA	LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA	LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
TEMODAR SOLR	3	SP; PA	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>temozolomide CAPS</i>	3	SP; PA	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
ZANOSAR	4	SP; PA	LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
Antimetabolites			LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>azacitidine SUSR</i>	3	SP; PA	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>capecitabine</i>	3	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA			
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA			
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZIRABEV	4	PA	<i>anastrozole</i>	0	QL(1 EA daily)
Antineoplastic - Antibodies			<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 EA daily); SP
ARZERRA	4	SP; PA	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	3	SP; PA
LOQTORZI	4	PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	3	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
RUXIENCE 500 MG/50ML	4	PA	EMCYT	3	SP; PA
RUXIENCE 100 MG/10ML	3	PA	ERLEADA 240 MG	3	QL(1 EA daily); PA
TRUXIMA	4	PA	ERLEADA 60 MG	3	QL(4 EA daily); PA
YERVOY	4	SP; PA	<i>exemestane</i>	3	QL(1 EA daily); SP
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
KANJINTI	4	PA	FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
OGIVRI	4	PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	3	QL(0.357 ML daily); SP; PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>letrozole</i>	1B	
TUKYSA	4	PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	3	SP; PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	3	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	3	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	3	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	3	QL(2 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	3	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 EA daily)
VIZIMPRO	3	QL(1 EA daily); PA	NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			ORGOVYX	4	PA
DAURISMO	4	PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA	<i>toremifene citrate</i>	1B	
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	3	QL(4 EA daily); SP; PA			
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	3	SP; PA	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	3	QL(3.25 EA daily); PA
VABRINTY KIT SC 7.5 MG	3	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA	ALECENSA	3	QL(8 EA daily); PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA	<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA
YONSA	4	QL(4 EA daily); PA	CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 3.6 MG	3	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	3	QL(0.0119 EA daily); SP; PA	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators			COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>pomalidomide 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
POMALYST 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG (<i>pomalidomide</i>)	4	QL(1 EA daily); PA	<i>everolimus TABS</i>	3	QL(1 EA daily); SP; PA
Antineoplastic Antibiotics			IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	3	SP; PA	<i>imatinib mesylate TABS</i>	3	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	JAKAFI	3	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	KISQALI (200 MG DOSE)	3	QL(2 EA daily); PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	KISQALI (400 MG DOSE)	3	QL(2 EA daily); PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA	KISQALI (600 MG DOSE)	3	QL(2.5 EA daily); PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	KYPROLIS	4	PA
Antineoplastic Combinations			<i>lapatinib ditosylate</i>	3	QL(6 EA daily); SP; PA
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	3	QL(2 EA daily); PA	LORBRENA	3	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	3	QL(2.5 EA daily); PA	LUMAKRAS 320 MG	3	QL(3 EA daily); PA
			LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	3	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA	ZEJULA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA	ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(2 EA daily); PA	Antineoplastics Misc.		
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>bexarotene</i>	3	SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
ROZLYTREK CAPS	4	PA	MATULANE	4	SP; PA
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	NIPENT	4	SP; PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	UVADEX	4	SP; PA
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
TALZENNA	3	QL(1 EA daily); PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
TALZENNA	3	QL(1 EA daily); PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
TAZVERIK	4	PA	VORAXAZE	4	SP; PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA	Mitotic Inhibitors		
TURALIO 125 MG	4	PA	<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
VERZENIO	3	QL(2 EA daily); PA	<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
VITRAKVI CAPS	4	PA	ETOPOPHOS	4	SP; PA
VITRAKVI SOLN	4	PA	<i>etoposide CAPS</i>	3	SP; PA
XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>etoposide SOLN 100 MG/5ML</i>	3	SP; PA
XOSPATA	3	PA	<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
			IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
			<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	3	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
<i>HYCAMTIN CAPS</i>	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
<i>NEUPRO</i>	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
<i>EQUETRO 200 MG</i>	3	QL(8 EA daily); PA
<i>EQUETRO 100 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>EQUETRO 300 MG</i>	3	QL(4 EA daily); PA
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Benzisoxazoles			<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
FANAPT	2	QL(2 EA daily); PA	<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
FANAPT TITRATION PACK A	2	PA	<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>paliperidone</i>	1B		<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA	<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA	<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B	
<i>risperidone SOLN</i>	1B		Phenothiazines		
<i>risperidone TABS</i>	1B		<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>risperidone TBDP</i>	1B		<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
Butyrophenones			<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)	<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	QL(78.9 ML daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B		<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B		<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>haloperidol TABS 0.5 MG, 1 MG, 2 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>haloperidol TABS 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)	<i>prochlorperazine</i>	1B	
Dibenzapines			<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
<i>clozapine TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	Quinolinone Derivatives		
<i>clozapine TABS 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)	<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clozapine TABS 200 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	REXULTI	3	PA
<i>clozapine TBDP 200 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	Thioxanthenes		
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)	<i>thiothixene</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
<i>loxapine succinate</i>	1B		Antiretrovirals		
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ML daily)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)
APRETUDE	3		<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)	<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)	FUZEON SOLR	4	SP; PA
CABENUVA	3		GENVOYA	3	QL(1 EA daily)
CIMDUO	3	QL(1 EA daily); PA	INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)	ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)	JULUCA	3	QL(1 EA daily)
DESCOVY	3		KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)
DOVATO	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
EDURANT 25 MG (<i>rilpivirine hcl</i>)	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ML daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
			<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
			NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)
			NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)
			ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)	<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)	<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)	Hepatitis Agents		
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)	<i>adefovir dipivoxil</i>	3	QL(1 EA daily); SP; PA
RETROVIR SOLN	3		<i>entecavir TABS</i>	3	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>rilpivirine hcl 25 MG</i>	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 EA daily); SP
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 EA daily)	MAVYRET TABS	3	QL(3 EA daily); PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)	PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA
STRIBILD	3	QL(1 EA daily)	PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
SYMTUZA	3		<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B		<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)
TIVICAY PD TBSO	3		SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA
TIVICAY TABS 50 MG	3	QL(2 EA daily)	SOVALDI TABS 200 MG	3	SP
TRIUMEQ PD TBSO	3		SOVALDI TABS 400 MG	3	QL(1 EA daily); SP; PA
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)	VEMLIDY	3	QL(1 EA daily); SP; PA
TYBOST	3	QL(1 EA daily)	VOSEVI	3	QL(1 EA daily); PA
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)	ZEPATIER	3	QL(1 EA daily); PA
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)	Herpes Agents		
VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)	<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 EA daily); 50 EA per fill retail; 50 per fill mail
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)	<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ML daily)
YEZTUGO SOLN 463.5 MG/1.5ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)
YEZTUGO TABS PO 300 MG	0	2 day(s) max supply per 30 day(s) retail	<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ML daily)	<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
CMV Agents					
<i>cidofovir</i>	3				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1A	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1A	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1A	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	3	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
VENTAVIS IN 10 MCG/ML	4	SP; PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
TRACLEER TBSO 32 MG (<i>bosentan</i>)	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	3	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	3	QL(6 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	3	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	3	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPK	3	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	3	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	3	QL(2 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
<i>cefixime CAPS</i>	1B	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	PA
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
Cephalosporins - 5th Generation		
<i>ceftaroline fosamil 400 MG, 600 MG</i>	1B	
TEFLARO 400 MG, 600 MG (<i>ceftaroline fosamil</i>)	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
AVERI TABS PO	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
TYBLUME CHEW	0	
Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)
Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 EA daily)
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 EA daily)
CORTISONE ACETATE TABS	1B	
<i>deflazacort TABS</i>	3	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TBPK</i>	1B	
SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 ML daily); AL(At least 12 yrs old)	Agents for External Genital and Perianal Warts		
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	VEREGEN	3	QL(1 GM daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)	Antibiotics - Topical		
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); PA	Antifungals - Topical		
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
			<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavaborole</i>	1B	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	3	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Antipsoriatics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA	YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)	YESINTEK SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA	YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	Antiseborrheic Products		
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	Antivirals - Topical		
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA	<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)
PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	Burn Products		
PYZCHIVA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)
SKYRIZI PEN SOAJ	3	QL(0.025 ML daily); PA	SULFAMYLON CREA	3	
SKYRIZI SOSY	3	QL(0.025 ML daily); PA	Corticosteroids - Topical		
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA			
STEQEYMA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA			
STEQEYMA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); PA
			<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); PA
			<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>amcinonide OINT</i>	3		<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	PA	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	PA	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA	<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)
			<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)
			<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily)
			<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>fluocinonide GEL</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
HALOG OINT	3	PA
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	3	QL(0.29 ML daily); PA
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	3	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	3	QL(0.29 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	3	QL(0.082 ML daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents			THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>podofilox SOLN</i>	1B		Diagnostic Tests		
Local Anesthetics - Topical			ACCU-CLEAR PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 GM daily); RX/OTC	CHEMSTRIP K STRP	1B	
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)	CLEARBLUE DIGITAL PLUS	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)	CLEARBLUE DIGITAL PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)	CLEARBLUE PLUS PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA	CVS DIGITAL PREGNANCY TEST	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical			CVS EARLY PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA	CVS EARLY RESULT PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
Rosacea Agents			CVS ONE STEP PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)	CVS PREGNANCY TEST KIT	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA	DIGITAL PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)			
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)			
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)			
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B				
Scabicides & Pediculicides					
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA			
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA			
<i>malathion</i>	1B				
<i>permethrin CREA</i>	1B				
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B				
<i>spinosad</i>	1B	PA			
DIAGNOSTIC PRODUCTS					
Diagnostic Drugs					
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
EARLY PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)	FT EARLY RESULT PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
EARLY RESULT PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)	FT ONE STEP PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
EPT	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)	GNP ADVANCED PREGNANCY TEST	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
EPT DIGITAL	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)	GNP EARLY RESULT PREGNANCY TST	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
EQ PREGNANCY TEST	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)	GNP ONE STEP PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
EQ PREGNANCY TEST EARLY RESULT	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)	GNP PREGNANCY TEST	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
EQL ONE-STEP PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)	GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	
EQL PREGNANCY EARLY RESULT	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)	KETONE TEST STRP	1B	
EQL PREGNANCY TEST DIGITAL	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)	KETOSTIX STRP	1B	
FACT PLUS+ PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)	NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	
FIRST RESPONSE PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)	ONE STEP PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B		ONE-STEP PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B		PRECISION XTRA KETONE	1B	
			PREGNANCY TEST	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
			PURALIN ONE-STEP PREGNANCY	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RELION KETONE TEST STRP	1B	
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
SB PREGNANCY TEST KIT	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
SM PREGNANCY TEST KIT	2	QL(2 EA per 30 day(s) retail; 2 EA per 30 days mail)
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC

DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes

Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization

DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure

Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1A	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1A	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 EA daily)
<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1A	
<i>torseamide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1A	QL(0.143 EA daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	3	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	3	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	3	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	3	SP; PA
PREGNYL IM	3	SP; PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	3	PA
GENOTROPIN CART SC	3	PA
HUMATROPE CART IJ	3	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	3	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	3	PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
SYNAREL	3	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	3	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	1B	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Progesterone Receptor Antagonists		
<i>mifepristone</i>	0	QL(3 EA per 30 day(s) retail)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	3	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BIJUVA	3	PA
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (<i>estrogens, conjugated</i>)	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
5-HT4 Receptor Agonists		
<i>prucalopride succinate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 EA daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	PA
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
PYZCHIVA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	3	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	3	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
STEQEYMA	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
YESINTEK 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	1B	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1A	
<i>colchicine TABS</i>	1B	
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	3	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	3	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>eptifibatide 200 MG/100ML</i>	4	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	3	QL(2 EA daily); PA
<i>miglustat</i>	3	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	3	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	3	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
FULPHILA	4	PA
LEUKINE SOLR IJ	3	SP; PA
MIRCERA	4	PA
NYVEPRIA	3	PA
RETACRIT	3	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	3	PA
UDENYCA SOAJ	3	PA
UDENYCA SOSY	3	PA
ZARXIO	3	PA
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); PA
<i>flurazepam hcl</i>	1B	
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erythromycin ethylsuccinate</i> TABS	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS 200 MG (<i>fidaxomicin</i>)	2	
<i>fidaxomicin</i> TABS 200 MG	1B	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 EA daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
FEMCAP DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KIMONO SENSATION MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MISC	0	QL(2 EA daily)
MAXX PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
MAXX MISC	0	QL(2 EA daily)
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	QL(2 EA daily)
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 EA daily)
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
TROJAN BARESKIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 EA daily)
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)
TROJAN ULTRA THIN MISC	0	QL(2 EA daily)
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)
TRUE COVER DEVI	0	QL(2 EA daily)
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	0	QL(2 EA daily)
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	QL(2 EA daily)
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	QL(2 EA daily)
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	QL(2 EA daily)
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	RX/OTC
TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	QL(2 EA daily)	RELION LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0		RELION LANCETS	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0		SELECT LANCETS	1B	6.66/day
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0		TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0		Parenteral Therapy Supplies		
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0		BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0		EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0		EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0		EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
Diabetic Supplies			EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA	SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA	AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
			EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA
UBRELVY	3	QL(16 EA per 30 day(s) retail; 16 EA per 30 days mail); PA
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 EA daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); PA
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); PA
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA

MINERALS & ELECTROLYTES

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Bicarbonates			<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		Phosphate		
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B		<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B	
Calcium			Potassium		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
Electrolyte Mixtures			<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B		<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B		<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
IONOSOL-MB IN D5W	1B		<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA
ISOLYTE-P IN D5W	1B		<i>potassium chloride SOLN PO 10 %, 10 %</i>	1B	
ISOLYTE-S	1B		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B	
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B		<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B	
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B		MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
NORMOSOL-M IN D5W	1B		Chelating Agents		
NORMOSOL-R PH 7.4	1B		<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B		<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B		<i>trientine hcl 250 MG</i>	3	QL(8 EA daily); SP; PA
<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B		Immunomodulators		
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B		<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>ringer's</i>	1B		<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
Fluoride			THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA
			Immunosuppressive Agents		
			ATGAM	4	SP; PA
			AZATHIOPRINE SODIUM	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
azathioprine TABS	1B		sodium polystyrene sulfonate POWD	1B	
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	1B		sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	1B	
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	1B		MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
cyclosporine CAPS	1B		Anesthetics Topical Oral		
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML	1B		lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	1B	
everolimus (immunosuppressant) 1 MG	3	QL(10 EA daily); PA	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	1B	QL(4 ML daily)
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	3	QL(20 EA daily); SP; PA	Anti-infectives - Throat		
mycophenolate mofetil CAPS	1B		clotrimazole	1B	
mycophenolate mofetil TABS	1B		nystatin (mouth-throat)	1B	
mycophenolate sodium	1B		Antiseptics - Mouth/Throat		
PROGRAF PACK	2	PA	chlorhexidine gluconate (mouth-throat)	1B	
PROGRAF SOLN 5 MG/ML (tacrolimus)	2		Dental Products		
SIMULECT	3		FLUORIDEX DAILY RENEWAL CONC 0.63 %	0	RX/OTC
sirolimus TABS	1B		PERIOMED CONC 0.63 %	0	RX/OTC
tacrolimus CAPS	1B		stannous fluoride CONC	0	RX/OTC
tacrolimus SOLN 5 MG/ML	1B		Steroids - Mouth/Throat/Dental		
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA	triamcinolone acetonide (mouth)	1B	
Irrigation Solutions			Throat Products - Misc.		
irrigation solutions, physiological	1B		cevimeline hcl	1B	
lactated ringer's (irrigation)	1B		pilocarpine hcl (oral)	1B	
ringer's irrigation	1B		MULTIVITAMINS		
water for irrigation, sterile	1B		Ped MV w/ Fluoride		
Potassium Removing Agents			pediatric multivitamins w/fl CHEW	1A	RX/OTC
LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA	Prenatal Vitamins		
			CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG- 1.84 MG-18 MG-2.6 MG- 1.7 MG-27 MG-10 MCG- 4.95 MG-25 MG-200 MG- 160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG- 800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG- 1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
MATRONEX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	RELEVIA TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG- 12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)	MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	Central Muscle Relaxants		
ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	<i>baclofen</i> TABS	1B	
ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)	<i>carisoprodol</i> TABS	1B	
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)	<i>chlorzoxazone</i> TABS 500 MG	1B	QL(6 EA daily)
PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 ML daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B		PRED MILD	3	PA
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B		<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
NATACYN	2		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B		<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B		<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B		ZYLET 0.3 %-0.5 % (<i>loteprednol etabonate-tobramycin</i>)	3	PA
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B		Ophthalmics - Misc.		
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B		ALOCRIAL	3	PA
<i>trifluridine</i>	1B		ALOMIDE	3	PA
ZIRGAN GEL	2		<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
Ophthalmic Immunomodulators			<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA	<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
Ophthalmic Local Anesthetics			<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
<i>proparacaine hcl</i>	1B		CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
Ophthalmic Steroids			<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)	<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>difluprednate</i>	1B	PA	<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B		<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA	<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
LOTEMAX OINT	3	PA	<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA	LASTACAFT	3	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA	NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); PA
<i>loteprednol etabonate-tobramycin</i>	3	PA	<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
MAXIDEX SUSP OP	3	PA	<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	1B	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Progestins			<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B		<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A		Fibromyalgia Agents		
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA	<i>milnacipran hcl MISC</i>	1B	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0		<i>milnacipran hcl TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>progesterone CAPS</i>	1B		SAVELLA TITRATION PACK MISC (<i>milnacipran hcl</i>)	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions			SAVELLA TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 100 MG (<i>milnacipran hcl</i>)	2	QL(2 EA daily); PA
Agents for Chemical Dependency			Movement Disorder Drug Therapy		
<i>acamprosate calcium</i>	1A		AUSTEDO TABS	3	QL(4 EA daily); PA
<i>disulfiram</i>	1A		<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>lofexidine hcl</i>	1A		Multiple Sclerosis Agents		
LUCEMYRA (<i>lofexidine hcl</i>)	2		AVONEX PEN AJKT	3	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
Antidementia Agents			AVONEX PREFILLED PSKT	3	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	BETASERON KIT	3	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>dalfampridine</i>	3	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i> fingolimod hcl</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)	<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ML daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ML daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA
<i>memantine hcl TABS</i>	1B		PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B		PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
Combination Psychotherapeutics					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	3	QL(0.214 ML daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	3	QL(0.214 ML daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	3	QL(1 EA daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE KIT	0	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
NICOTROL INHA	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 EA daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	3	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	3	QL(3 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)
EVEXITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1A	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID TABS	1B	QL(1 EA daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
BOOSTRIX SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
VAXELIS SUSP	0	
VAXELIS SUSY	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine hcl PO 300 MG/5ML</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>NEXIUM 24HR TBEC 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	1B	QL(1 EA daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	0	QL(4 EA daily)
Ulcer Therapy Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Urinary Antispasmodics - Beta-3 Adrenergic Agonists		
<i>mirabegron TB24</i>	3	PA
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ACTHIB SOLR IM	0		COMIRNATY SUSP	0	
BEXSERO 0.5 ML	0		COMIRNATY SUSY	0	
CAPVAXIVE	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
HIBERIX SOLR IJ	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
MENQUADFI 0.5 ML	0		FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENVEO SOLR	0		FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PEDVAX HIB SUSP	0		FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PENBRAYA	0		FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)	FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23 SOLN	0		FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23 SOSY	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 13	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail	FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
TRUMENBA 0.5 ML	0				
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail			
Viral Vaccines					
ABRYSVO	0				
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AREXVY	0				
AUDENZ EMUL	0				
AUDENZ PRSY	0				
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	IPOL IJ	0	
FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	JYNNEOS	0	
FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0	
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0	
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MRESVIA	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0	
FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0	
GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0	
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0		PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
			PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
			PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
			RECOMBIVAX HB SUSP	0	
			RECOMBIVAX HB SUSY	0	
			ROTARIX SUSP	0	
			ROTATEQ SOLN	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SHINGRIX IM 50 MCG/0.5ML	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0	
SPIKEVAX SUSP	0	
SPIKEVAX SUSY	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0	
VAQTA	0	
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXX	0	PV
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	0	QL(1.5 GM daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN ER TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	29	ACTEMRA SOSY	4	STARTER) AJKT	3
abacavir sulfate TABS	29	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	44	adapalene CREA	35
abacavir sulfate-lamivudine	29	ACTHAR GEL	44	adapalene GEL	35
abiraterone acetate 250 MG	24	ACTHIB SOLR IM	63	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	35
abiraterone acetate 500 MG	24	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	26	adefovir dipivoxil	30
ABRYSVO	63	acyclovir CAPS	30	ADEMPAS	33
acamprosate calcium	59	acyclovir SUSP	30	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	61
acarbose	14	acyclovir TABS PO	30	ADVAIR HFA AERO (fluticasone- salmeterol)	10
ACCU-CLEAR PREGNANCY	41	acyclovir topical CREA	38	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	63
acebutolol hcl CAPS	31	acyclovir topical OINT	38	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	63
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	ADACEL SUSP	61	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	63
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	61	AFLURIA SUSP	63
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT . 3		AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	47
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT . 3		AIMOVIG	51
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	3	AIMSCO LUBRICATED MISC	50
acetazolamide CP12	43	ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	3	AKYNZEO	17
acetazolamide sodium	43	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ 40 MG/0.4ML	3	albendazole	8
acetazolamide TABS 125 MG	43	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ 80 MG/0.8ML	3	albuterol sulfate AERS	10
acetazolamide TABS 250 MG	43	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate NEBU	10
acetic acid (otic)	58	ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT 3		albuterol sulfate SYRP	10
acetic acid 0.25 %	47	ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	3	albuterol sulfate TABS	10
acetylcysteine SOLN	35	ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	3	alclometasone dipropionate CREA	38
acitretin 10 MG, 17.5 MG	38	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV		alclometasone dipropionate OINT	38
acitretin 25 MG	38			ALDURAZYME	44
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4			ALECENSA	25
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4				
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4				

alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	44	amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	62
alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	44	amiloride & hydrochlorothiazide ..	43	amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG	1
alfuzosin hcl	47	amiloride hcl TABS	43	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG	1
ALINIA SUSR	21	aminocaproic acid TABS	48	amphetamine-dextroamphetamine CP24 25 MG, 30 MG	1
aliskiren fumarate	20	amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 9		amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG	1
allopurinol 100 MG, 300 MG	47	amiodarone hcl TABS	9	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG	1
almotriptan malate 12.5 MG	52	amitriptyline hcl TABS	14	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1
almotriptan malate 6.25 MG	52	amlodipine besylate TABS	31	amphotericin b IV	17
ALOCRIL	57	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	32	ampicillin CAPS 500 MG	58
alogliptin benzoate	15	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		ampicillin sodium IV 10 GM	58
alogliptin-metformin hcl	14	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	anagrelide hcl	48
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amlodipine besylate-valsartan	20	anastrozole	24
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	14	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide	20	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ALOMIDE	57	amoxapine	14	ANNOVERA	34
alosetron hcl	46	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 58		ANZEMET TABS 50 MG	17
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 58		APIDRA SOLN	15
alprazolam TABS 2 MG	8	amoxicillin & pot clavulanate TABS 58		APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
alprazolam TB24	8	amoxicillin & pot clavulanate TB12 58		apomorphine hydrochloride SOCT 27	
alprazolam TBDP	8	amoxicillin CAPS	58	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG . 17	
ALVESCO	9	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 58		aprepitant CAPS 80 MG	17
alvimopan	46	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML 58		aprepitant CAPS	17
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	58	APRETUDE	29
amantadine hcl SOLN	27	amoxicillin TABS	58	APTIVUS CAPS	29
amantadine hcl TABS	27			ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN	
ambrisentan	32				
amcinonide CREA	39				
amcinonide OINT	39				

25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	48	MG, 40 MG	1	balsalazide disodium CAPS	46
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	48	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide)	11
ARCALYST	4	atorvastatin calcium TABS	19	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide)	11
AREXVY	63	atovaquone	21	BAXDELA SOLR	45
arformoterol tartrate	10	atovaquone-proguanil hcl	22	BAXDELA TABS	45
ARIKAYCE	2	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	61	BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	51
aripiprazole SOLN PO	28	ATROVENT HFA	9	BECLOMETHASONE DIPROP HFA 40 MCG/ACT, 80 MCG/ACT	9
aripiprazole TABS	28	AUDENZ EMUL	63	BELSOMRA	49
armodafinil	1	AUDENZ PRSY	63	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG	20
ARMOUR THYROID TABS	61	AURANOFIN 3 MG	3	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG	20
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation))	9	AUSTEDO TABS	59	benazepril hcl	19
arsenic trioxide 10 MG/10ML	26	avanafil	32	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	35
ARZERRA	24	AVERI TABS PO	33	BENZEPRO FOAM 5.3 %	35
asenapine maleate 2.5 MG	28	AVONEX PEN AJKT	59	benzonatate 100 MG	35
asenapine maleate 5 MG, 10 MG	28	AVONEX PREFILLED PSKT	59	benzonatate 150 MG	35
aspirin CHEW	5	azacitidine SUSR	23	benzonatate 200 MG	35
aspirin TABS 325 MG	5	AZATHIOPRINE SODIUM	53	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	35
aspirin TBEC 325 MG	5	azathioprine TABS	54	benzoyl peroxide GEL 10 %	36
aspirin TBEC 81 MG	5	azelaic acid GEL	41	benzoyl peroxide GEL 5 %	36
aspirin-dipyridamole	48	azelastine hcl (ophth)	57	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	29	azelastine hcl	56	benzoyl peroxide-erythromycin GEL	35
atazanavir sulfate CAPS 200 MG	29	azithromycin PACK	49	benztropine mesylate TABS	27
atenolol & chlorthalidone	20	azithromycin SUSR	49	bepotastine besilate	57
atenolol TABS	31	azithromycin TABS 250 MG	49	betaine	44
ATGAM	53	azithromycin TABS 500 MG	49		
atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25		azithromycin TABS 600 MG	49		
		aztreonam 1 GM	21		
		bacitracin (ophthalmic)	56		
		baclofen TABS	55		

betamethasone dipropionate (topical) CREA	39	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	39	bisoprolol fumarate	31	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	43
betamethasone dipropionate (topical) OINT	39	bleomycin sulfate 15 UNIT	25	bumetanide TABS	43
betamethasone dipropionate augmented CREA	39	BOOSTRIX SUSP	61	buprenorphine hcl SOLN	7
betamethasone dipropionate augmented LOTN	39	BOOSTRIX SUSY	61	buprenorphine hcl SUBL	7
betamethasone dipropionate augmented OINT	39	bortezomib SOLR IJ	25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL	7
betamethasone valerate CREA ...	39	bosentan TABS 125 MG	32	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7
betamethasone valerate FOAM ...	39	bosentan TABS 62.5 MG	32	buprenorphine PTWK	7
betamethasone valerate LOTN ...	39	bosentan TBSO 32 MG	32	bupropion hcl (smoking deterrent)	60
betamethasone valerate OINT ...	39	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	10	bupropion hcl TABS	13
BETASERON KIT	59	BREO ELLIPTA	10	bupropion hcl TB12	13
betaxolol hcl (ophth) SOLN	56	BREZTRI AEROSPHERE	10	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG	13
betaxolol hcl	31	brimonidine tartrate (topical)	41	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG	13
bethanechol chloride 25 MG	62	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	56	buspirone hcl 5 MG	8
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	62	brimonidine tartrate-timolol maleate . 56		buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8
bexarotene (topical)	37	brivaracetam SOLN PO 10 MG/ML 11		busulfan SOLN	23
bexarotene	26	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML (brivaracetam)	11	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5
BEXSERO 0.5 ML	63	BRIXADI (WEEKLY) SOSY	7	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	5
BEYFORTUS	58	BRIXADI SOSY 64 MG/0.18ML, 96 MG/0.27ML, 128 MG/0.36ML	7	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5
bicalutamide	24	bromfenac sodium (ophth)	57	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	5
BIJUVA	45	bromocriptine mesylate CAPS	27	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6
BIKTARVY	29	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	27	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	7
bimatoprost SOLN	58	budesonide (inhalation) SUSP	9		
bisacodyl SUPP	49	budesonide (intrarectal)	8		
bisacodyl TBEC	49	budesonide (nasal)	56		
		budesonide CPEP	34		

butalbital-aspirin-caffeine CAPS 5	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG . 19	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG 33
butalbital-aspirin-caffeine w/cod 7	CAPVAXIVE 63	cefdinir CAPS 33
butenafine hcl 36	carbamazepine CHEW 12	cefdinir SUSR 33
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML 7	carbamazepine CP12 100 MG 12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM 33
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML . 7	carbamazepine CP12 200 MG 12	cefixime CAPS 33
CABENUVA 29	carbamazepine CP12 300 MG 12	cefixime SUSR 33
cabergoline 45	carbamazepine SUSP 12	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM 33
CABOMETYX TABS 25	carbamazepine TABS 12	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM . . . 33
calcipotriene CREA 38	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG 12	cefpodoxime proxetil SUSR 33
calcipotriene OINT 38	carbamazepine TB12 200 MG 12	cefpodoxime proxetil TABS 33
calcipotriene SOLN 38	carbidopa 27	cefprozil SUSR 33
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT 39	carbidopa-levodopa TABS 27	cefprozil TABS 33
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP 39	carbidopa-levodopa TBCR 27	ceftaroline fosamil 400 MG, 600 MG . 33
calcitonin (salmon) NA 44	carbidopa-levodopa TBDP 27	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM 33
calcitriol (topical) 38	carbidopa-levodopa-entacapone . 27	cefuroxime axetil TABS 33
calcitriol CAPS 44	carbinoxamine maleate SOLN 18	cefuroxime sodium IJ 750 MG 33
calcitriol SOLN IV 44	carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 18	celecoxib 4
calcium acetate (phosphate binder) CAPS 47	carisoprodol TABS 55	cephalexin CAPS 33
calcium acetate (phosphate binder) TABS 47	carmustine 23	cephalexin SUSR 33
calcium chloride (dihydrate) SOLN 53	carteolol hcl (ophth) 56	CERDELGA 48
calcium polycarbophil TABS 49	carvedilol 31	cetirizine hcl TABS 18
candesartan cilexetil 19	carvedilol phosphate 31	cevimeline hcl 54
candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide 20	CAYA DPRH 50	CHEMET 16
capecitabine 23	CAYSTON 21	CHEMSTRIP K STRP 41
CAPRELSA 25	cefaclor CAPS 33	chloramphenicol sodium succinate 21
captopril 12.5 MG 19	cefaclor SUSR 250 MG/5ML 33	chlordiazepoxide hcl CAPS 8
	cefadroxil CAPS 33	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide 61
	cefadroxil SUSR 33	
	cefadroxil TABS 33	

chlordiazepoxide-amitriptyline	59	cinacalcet hcl	44	clindamycin phosphate (topical) LOTN	36
chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	54	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	56	clindamycin phosphate (topical) SOLN	36
chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	ciprofloxacin hcl (otic)	58	clindamycin phosphate (topical) SWAB	36
chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG	45	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML	21
chlorpromazine hcl SOLN	28	ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML	45	clindamycin phosphate vaginal CREA	65
chlorpromazine hcl TABS	28	ciprofloxacin-dexamethasone	58	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	36
chlorthalidone 25 MG, 50 MG	43	ciprofloxacin-fluocinolone acetoneide	58	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	36
chlorzoxazone TABS 500 MG	55	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23	clindamycin phosphate-tretinoin	36
chlorzoxazone TABS 750 MG	56	citalopram hydrobromide SOLN	13	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	56
cholecalciferol CAPS	65	citalopram hydrobromide TABS	13	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	56
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	65	clarithromycin SUSR	49	clobazam SUSP	11
cholestyramine light PACK	18	clarithromycin TABS	49	clobazam TABS	11
cholestyramine light POWD	18	clarithromycin TB24	49	clobetasol propionate CREA 0.05 %	39
cholestyramine PACK	18	CLASSIC PRENATAL TABS	54	clobetasol propionate emollient base 0.05 %	39
cholestyramine POWD	18	CLEARBLUE DIGITAL PLUS	41	clobetasol propionate FOAM	39
choline fenofibrate	19	CLEARBLUE DIGITAL PREGNANCY	41	clobetasol propionate GEL 0.05 %	39
CHORIONIC GONADOTROPIN IM 44	44	CLEARBLUE PLUS PREGNANCY	41	clobetasol propionate OINT 0.05 %	39
ciclopirox GEL	36	clemastine fumarate SYRP	18	clobetasol propionate SOLN 0.05 %	39
ciclopirox olamine CREA	36	clemastine fumarate TABS 2.68 MG	18	CLIMARA PRO	45
ciclopirox olamine SUSP	36	CLIMARA PRO	45	clindamycin hcl	21
ciclopirox SHAM	36	clindamycin hcl	21	clindamycin palmitate hydrochloride	21
ciclopirox SOLN	36	clindamycin palmitate hydrochloride	21	clindamycin phosphate (topical) FOAM	36
cidofovir	30	clindamycin phosphate (topical) GEL	36	clonazepam TABS	11
cilostazol	48				
CIMDUO	29				
cimetidine hcl PO 300 MG/5ML	61				
cimetidine TABS	61				

clonidine hcl (adhd) TB12	1	colestipol hcl TABS	18	41
clonidine hcl TABS	19	COMBIVENT RESPIMAT AERS ..	10	CVS EARLY PREGNANCY
clonidine PTWK	20	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE)		CVS EARLY RESULT PREGNANCY
clopidogrel bisulfate 300 MG	48	KIT	2541
clopidogrel bisulfate 75 MG	48	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE)		CVS ONE STEP PREGNANCY ..
clorazepate dipotassium TABS	9	KIT	25	CVS PREGNANCY TEST KIT
clotrimazole (topical) CREA	36	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE)		CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6
clotrimazole (topical) SOLN	36	KIT	25	MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7
clotrimazole	54	COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP	10	MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-
clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	65	MCG/0.3ML	63	263 MG-11 UNIT-4000 UNIT
clotrimazole w/ betamethasone		COMIRNATY SUSP	63	cyanocobalamin SOLN IJ 1000
CREA	37	COMIRNATY SUSY	63	MCG/ML
clotrimazole w/ betamethasone		COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG		cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10
LOTN	37	(emtricitabine- rilpivirine-tenofovir		MG
clozapine TABS 100 MG	28	disoproxil fumarate)	29	cyclophosphamide CAPS
clozapine TABS 200 MG	28	CORDRAN TAPE	39	cyclophosphamide SOLR IJ
clozapine TABS 25 MG, 50 MG ...	28	CORTISONE ACETATE TABS ...	34	cycloserine
clozapine TBDP 100 MG	28	CORTISPORIN-TC	58	cyclosporine (ophth) EMUL
clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG		COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY .		cyclosporine CAPS
28		38		54
clozapine TBDP 200 MG	28	COSENTYX SENSOREADY (300		cyclosporine modified (for
clozapine TBDP 25 MG	28	MG) SOAJ	38	microemulsion) CAPS
COARTEM	22	COSENTYX SENSOREADY PEN		54
codeine sulfate TABS 30 MG	5	SOAJ	38	cyclosporine modified (for
CODEINE SULFATE TABS	5	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	38	microemulsion) SOLN
colchicine TABS	47	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	38	54
colchicine w/ probenecid	47	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	38	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .
colesevelam hcl PACK	18	CREON CPEP	43	54
colesevelam hcl TABS	18	CRESEMBA CAPS 186 MG	18	cyproheptadine hcl SYRP
colestipol hcl GRAN	18	cromolyn sodium (ophth)	57	18
colestipol hcl PACK	18	cromolyn sodium NEBU	9	cyproheptadine hcl TABS
		crotamiton LOTN	41	18
		CVS DIGITAL PREGNANCY TEST .		CYSTAGON CAPS
				47
				CYSTARAN
				57
				dabigatran etexilate mesylate CAPS .
				11
				dactinomycin
				25
				dalfampridine
				59
				danazol CAPS
				7

dantrolene sodium CAPS	56	NA	45	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1
dapagliflozin propanediol	16	desmopressin acetate spray	45	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG	14	desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %	45	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	14	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 45		dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1
dapsone	21	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 45		DIACOMIT CAPS 250 MG	12
DAPTACEL	61	desogestrel & ethinyl estradiol	33	DIACOMIT CAPS 500 MG	12
daptomycin 500 MG	21	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	33	DIACOMIT PACK 250 MG	12
darifenacin hydrobromide	62	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	33	DIACOMIT PACK 500 MG	12
darunavir TABS 600 MG	29	desonide CREA	39	diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11
darunavir TABS 800 MG	29	desonide LOTN	39	diazepam CONC	9
dasatinib	25	desonide OINT	39	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML	9
DAURISMO	24	desoximetasone CREA 0.25 %	39	diazepam TABS	9
decitabine	23	desoximetasone GEL	39	diazoxide	15
deferasirox PACK	16	desoximetasone OINT 0.25 %	39	diclofenac epolamine PTCH EX ...	37
deferasirox TABS	16	desvenlafaxine succinate	14	diclofenac potassium TABS 50 MG .	4
deferasirox TBSO	16	dexamethasone ELIX	35	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	37
deflazacort TABS	34	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	35	diclofenac sodium (ophth)	57
DELSTRIGO	29	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	57	diclofenac sodium (topical) GEL EX	37
demeclocycline hcl TABS	60	dexamethasone SOLN	35	diclofenac sodium TB24	4
DEPO-ESTRADIOL	45	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	35	diclofenac sodium TBEC	4
DEPO-MEDROL SUSP	34	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	35	diclofenac w/ misoprostol TBEC	4
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	34	dexlansoprazole	62	dicloxacillin sodium	58
DESCOVY	29	dexmethylphenidate hcl CP24	1	dicyclomine hcl CAPS	61
desipramine hcl TABS	14	dexmethylphenidate hcl TABS	1	dicyclomine hcl SOLN PO	61
desloratadine TABS	18			dicyclomine hcl TABS	61
desloratadine TBDP 2.5 MG	18				
desmopressin acetate SOLN IJ ...	45				
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN					

DIFFERIN LOTN	36	dimethyl fumarate CPDR	59	doxepin hcl CAPS	14
DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin) 50		DIPENTUM	46	doxepin hcl CONC	14
diflorasone diacetate CREA	39	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18		doxercalciferol CAPS	44
diflorasone diacetate OINT	39	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18	doxercalciferol SOLN	45
diflunisal TABS	5	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25
difluprednate	57	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	60
DIGITAL PREGNANCY	41	dipyridamole	48	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	60
digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML	32	disopyramide phosphate CAPS	9	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	61
digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	32	disulfiram	59	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	61
dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	52	divalproex sodium TB24	13	doxycycline hyclate CAPS	61
DILANTIN (phenytoin sodium extended)	13	divalproex sodium TBEC	13	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	61
DILANTIN	13	docetaxel CONC 20 MG/ML	26	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	61
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13	docusate calcium	49	doxylamine-pyridoxine TBEC	17
DILANTIN SUSP (phenytoin)	13	docusate sodium CAPS 100 MG ..	49	dronabinol CAPS	17
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13	docusate sodium CAPS 250 MG ..	49	drosiprenone-ethinyl estradiol	33
diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	31	dofetilide	9	drosiprenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	34
diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	31	donepezil hydrochloride TABS 10 MG	59	DROXIA CAPS	48
diltiazem hcl CP12	31	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	59	DUAVEE	45
diltiazem hcl CP24	31	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	59	DULERA	10
diltiazem hcl extended release beads	31	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 59		duloxetine hcl CPEP	14
diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ...	31	dorzolamide hcl	57	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 40	
DILTIAZEM HCL SOLR	32	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	56	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	40
diltiazem hcl TABS	32	DOVATO	29	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 40	
diltiazem hcl TB24	32	doxazosin mesylate	20	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	40
dimethyl fumarate CDPK	59	doxepin hcl (antipruritic)	37	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN	
		doxepin hcl (sleep)	49		

DEVI	50	MG, 25 MG	48	ENBREL SOSY 50 MG/ML	5
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	50	eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	48	ENBREL SURECLICK SOAJ	5
DUREX TROPICAL MISC	50	EMBECTA AUTOSHIELD DUO ..	51	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	63
dutasteride	47	EMBECTA PEN NEEDLE NANO ..	51	ENGERIX-B SUSY	63
dutasteride-tamsulosin hcl	47	EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	51	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11
EARLY PREGNANCY	42	EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	51	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11
EARLY RESULT PREGNANCY ..	42	EMCYT	24	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11
econazole nitrate CREA	37	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY ..	51	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11
EDARBI	19	EMGALITY SOAJ	51	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11
EDURANT 25 MG (rilpivirine hcl) ..	29	EMGALITY SOSY	52	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11
efavirenz CAPS 200 MG	29	EMSAM	13	entacapone	27
efavirenz CAPS 50 MG	29	emtricitabine CAPS	29	entecavir TABS	30
efavirenz TABS	29	emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	29	EPIDIOLEX	12
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	29	epinastine hcl (ophth)	57
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	29	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	65
ELAPRASE	45	EMTRIVA SOLN	29	eplerenone	21
electrolyte-148	53	EMVERM CHEW	8	epoprostenol sodium	32
electrolyte-a	53	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20 ..	24	EPT	42
ELESTRIN GEL	45	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20 ..	19	EPT DIGITAL	42
eletriptan hydrobromide	52	ENBREL MINI SOCT	5	eptifibatide 200 MG/100ML	48
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	24	ENBREL SOLN	5	EQ PREGNANCY TEST	42
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	24	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	5	EQ PREGNANCY TEST EARLY RESULT	42
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	10			EQL ONE-STEP PREGNANCY ..	42
ELIQUIS TABS	10			EQL PREGNANCY EARLY RESULT	42
ELLA	34			EQL PREGNANCY TEST DIGITAL ..	
ELMIRON CAPS	47				
eltrombopag olamine PACK 12.5 ..					

42	eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	29	etravirine 100 MG	29	
EQL PRENATAL FORMULA TABS			etravirine 200 MG	29	
55	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	62	EUCRISA	41	
EQUETRO 100 MG	27	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	62	EVAMIST SOLN	45
EQUETRO 200 MG	27	esomeprazole magnesium TBEC	62	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	54
EQUETRO 300 MG	27	estazolam	49	everolimus (immunosuppressant) 1 MG	54
ERBITUX	24	estradiol GEL	45	everolimus TABS	25
ergocalciferol CAPS	65	estradiol PTTW	45	EVEXITHROID TABS 180 MG	61
ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	65	estradiol PTWK	45	EVOTAZ	29
ergoloid mesylates TABS	60	estradiol TABS	45	exemestane	24
ERGOMAR SUBL	52	estradiol vaginal CREA	65	ezetimibe	19
ergotamine w/ caffeine TABS	52	estradiol vaginal TABS	65	ezetimibe-simvastatin	18
eribulin mesylate	26	estradiol valerate	45	FACT PLUS+ PREGNANCY	42
ERIVEDGE	24	estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG	45	famciclovir 125 MG, 250 MG	30
ERLEADA 240 MG	24	eszopiclone	49	famciclovir 500 MG	30
ERLEADA 60 MG	24	ethacrynic acid	43	famotidine in nacl SOLN	61
erlotinib hcl	24	ethambutol hcl TABS	22	famotidine SUSR	62
ERTACZO	37	ethosuximide CAPS	13	famotidine TABS 20 MG, 40 MG	62
ertapenem sodium IJ	21	ethosuximide SOLN	13	FANAPT	28
erythromycin (acne aid) PADS	36	ethynodiol diacet & eth estrad	34	FANAPT TITRATION PACK A	28
erythromycin (acne aid) SOLN	36	etodolac CAPS	4	FANTASY LUBRICATED MISC	50
erythromycin (ophth)	56	etodolac TABS	4	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	50
erythromycin base CPEP	49	etonogestrel-ethinyl estradiol	34	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	16
erythromycin base TABS	49	ETOPOPHOS	26	FASENRA PEN SOAJ	9
erythromycin base TBEC	49	etoposide CAPS	26	FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	9
erythromycin ethylsuccinate SUSR	49	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 500 MG/25ML	26	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9
49		etoposide SOLN 100 MG/5ML	26	FC2 FEMALE CONDOM	50
erythromycin ethylsuccinate TABS	50				
escitalopram oxalate SOLN	13				
escitalopram oxalate TABS	13				

fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT	10	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML .	11	42	FT ONE STEP PREGNANCY	42
fluticasone furoate-vilanterol	10	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .	11		FT PRENATAL TABS	55
fluticasone propionate (inhalation) AEPB	10	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML .	11		FULPHILA	48
fluticasone propionate (nasal) SUSP .	56	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	42		fulvestrant SOSY	24
fluticasone propionate CREA 0.05 %	40	FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	42		furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML	43
fluticasone propionate hfa	10	formoterol fumarate NEBU	10		furosemide TABS	43
fluticasone propionate LOTN	40	FOSAMAX PLUS D	44		FUZEON SOLR	29
fluticasone propionate OINT	40	fosamprenavir calcium TABS	29		gabapentin CAPS	12
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10	fosfomycin tromethamine	21		gabapentin SOLN	12
fluticasone-salmeterol AERO	10	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20		gabapentin TABS 600 MG, 800 MG	12
fluvastatin sodium CAPS 20 MG ..	19	fosinopril sodium	19		galantamine hydrobromide CP24 ..	59
fluvastatin sodium CAPS 40 MG ..	19	fosphenytoin sodium	13		galantamine hydrobromide SOLN ..	59
fluvoxamine maleate TABS	13	FRAGMIN SOSY	11		galantamine hydrobromide TABS ..	59
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	64	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	51		ganciclovir sodium SOLR	30
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	64	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	51		ganirelix acetate	44
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	64	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	51		GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	64
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	64	FREESTYLE LIBRE 2 READER ..	51		GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	64
FLUZONE SUSP	64	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..	51		gatifloxacin (ophth)	57
FLUZONE SUSY	64	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	51		gefitinib	24
FML FORTE SUSP	57	FREESTYLE LIBRE 3 READER ..	51		gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	23
folic acid TABS	48	FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..	51		gemfibrozil TABS	19
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML	11	FREESTYLE LIBRE READER	51		GENOTROPIN CART SC	44
		frovatriptan succinate	52		GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	44
		FT EARLY RESULT PREGNANCY .			gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2
					gentamicin sulfite (ophth) SOLN ..	57
					gentamicin sulfite (topical) CREA	36

gentamicin sulfate (topical) OINT ..36	GLYXAMBI 14	haloperidol TABS 20 MG 28
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML 2	GNP ADVANCED PREGNANCY TEST 42	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML64
GENVOYA29	GNP EARLY RESULT PREGNANCY TST 42	HEMANGEOL SOLN PO 31
GILOTRIF 24	GNP ONE STEP PREGNANCY .. 42	HEMATINIC/FOLIC ACID 48
glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 59	GNP PREGNANCY TEST 42	HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11
glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 59	GNP PRENATAL TABS 55	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML 11
GLEOSTINE 10 MG (lomustine) .. 23	GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS55	HEPLISAV-B SOSY 64
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (lomustine) 23	GOHIBIC 47	HIBERIX SOLR IJ 63
glimepiride 1 MG, 2 MG16	GOJJI BLOOD KETONE TEST .. 42	HUMATROPE CART IJ 44
glimepiride 4 MG 16	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17	HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML 3
glipizide TABS 5 MG, 10 MG 16	granisetron hcl TABS 17	HUMIRA (2 PEN) AJKT 3
glipizide TB24 16	GRASTEK SUBL 2	HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT 3
glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG14	griseofulvin microsize SUSP17	HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT 3
glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG 14	griseofulvin microsize TABS 17	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT 3
GLUCAGEN DIAGNOSTIC 41	griseofulvin ultramicrosize 17	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT 3
glucagon SOLR IJ 1 MG 15	guanfacine hcl (adhd) 1	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT 3
glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG 16	guanfacine hcl 20	HUMIRA-PSORIASIS/UEVIT STARTER AJKT 3
glyburide TABS 16	GYNAZOLE-1 65	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC 15
glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG 14	HAEGARDA SOLR SC 47	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC 15
glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG 14	halcinonide CREA 40	HYCANTIN CAPS 27
glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % .. 47	halobetasol propionate CREA 40	
glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 61	halobetasol propionate OINT 40	
glycopyrrolate TABS 1 MG 61	HALOG OINT 40	
glycopyrrolate TABS 2 MG 61	haloperidol decanoate 28	
	haloperidol lactate CONC 28	
	haloperidol lactate SOLN 28	
	haloperidol TABS 0.5 MG, 1 MG, 2 MG, 5 MG, 10 MG 28	

hydralazine hcl SOLN	21	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	40	HYQVIA	58
hydralazine hcl TABS	21	hydrocortisone acetate (rectal)	8	ibandronate sodium SOLN	44
hydrochlorothiazide CAPS	43	hydrocortisone butyrate CREA	40	ibandronate sodium TABS	44
hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 43		hydrocortisone butyrate OINT	40	IBRANCE CAPS	25
hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	43	hydrocortisone butyrate SOLN	40	IBRANCE TABS	25
hydrocodone bitartrate CP12	5	hydrocortisone sod succinate 100 MG	35	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML	4
hydrocodone bitartrate T24A	5	hydrocortisone TABS	35	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..	4
hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER .35		hydrocortisone vaginal	65	ibuprofen TABS 800 MG	4
hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	7	hydrocortisone valerate CREA	40	icatibant acetate SOSY	47
hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML	7	hydrocortisone valerate OINT	40	ICLUSIG	25
hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	7	hydrocortisone w/acetic acid	58	icosapent ethyl 1 GM	18
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	hydromorphone hcl LIQD	5	idarubicin hcl 20 MG/20ML	25
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5		idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	25
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7	hydromorphone hcl TABS	5	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23
hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	7	hydromorphone hcl TB24 32 MG ... 5		ifosfamide SOLR	23
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	7	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	5	imatinib mesylate TABS	25
hydrocortisone (intrarectal)	8	hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22		imipramine hcl TABS	14
hydrocortisone (rectal) EX	8	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22		imipramine pamoate	14
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	40	hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22		imiquimod 5 %	40
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 40		hydroxyurea	26	IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	52
		hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	52
		hydroxyzine hcl SYRP	8	INCRELEX	44
		hydroxyzine hcl TABS	8	INCRUSE ELLIPTA	9
		hydroxyzine pamoate CAPS	8	indapamide TABS 1.25 MG	44
		HYPERSAL NEBU	35	indapamide TABS 2.5 MG	43
				indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4	
				indomethacin CPR	4

INFANRIX	61	ISOLYTE-P IN D5W	53	KAMELEON LUBRICATED MISC	50
INFLECTRA SOLR	46	ISOLYTE-S	53	KANJINTI	24
INLYTA	23	isoniazid SOLN	22	KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	53
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN 15		isoniazid SYRP	22	KCL-LACTATED RINGERS-D5W	53
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN 15		isoniazid TABS	22	ketoconazole (topical) CREA	37
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	15	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	8	ketoconazole (topical) SHAM 2 %	37
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 32		ketoconazole	18
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	16	isosorbide mononitrate TABS	8	KETONE TEST STRP	42
INSULIN LISPRO SOLN IJ	16	isosorbide mononitrate TB24	8	ketoprofen CAPS 50 MG	4
INTELENCE 25 MG	29	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	36	ketorolac tromethamine (ophth)	57
IONOSOL-MB IN D5W	53	isradipine CAPS	32	ketorolac tromethamine TABS	4
IPOL IJ	64	itraconazole CAPS	18	KETOSTIX STRP	42
ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 56		itraconazole SOLN	18	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 57	
ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 56		itraconazole SOLN	18	KEVZARA SOAJ	4
ipratropium bromide hfa 17 MCG/ACT	9	ivabradine hcl TABS	33	KEVZARA SOSY	4
ipratropium bromide SOLN 0.02 %	9	ivermectin (pediculicide)	41	KIMONO COLORS DEVI	50
ipratropium-albuterol SOLN	10	ivermectin	8	KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	50
irbesartan	19	IXEMPRA KIT 15 MG	26	KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	50
irbesartan-hydrochlorothiazide	20	JAKAFI	25	KIMONO MISC	50
irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	27	JANUMET TABS	14	KIMONO PLUS MISC	50
irrigation solutions, physiological	54	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	14	KIMONO PS MISC	50
ISENTRESS CHEW	29	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	14	KIMONO PS PLUS MISC	50
ISENTRESS HD TABS	29	JANUVIA	15	KIMONO SENSATION MISC	50
ISENTRESS TABS	29	JARDIANCE	16	KIMONO SENSATION PLUS MISC 50	
		JULUCA	29	KIMONO SPECIAL DEVI	50
		JYNNEOS	64	KINRIX SUSY	61
		KALETRA SOLN	29		
		KALYDECO TABS	60		

KISQALI (200 MG DOSE)	25	lamotrigine CHEW 25 MG	12	leucovorin calcium TABS	26
KISQALI (400 MG DOSE)	25	lamotrigine CHEW 5 MG	12	LEUKERAN	23
KISQALI (600 MG DOSE)	25	lamotrigine TABS 100 MG	12	LEUKINE SOLR IJ	48
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) .	25	lamotrigine TABS 150 MG	12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	24
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) .	25	lamotrigine TABS 200 MG	12	levabuterol hcl	10
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) .	25	lamotrigine TABS 25 MG	12	levabuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	10
		lamotrigine TBDP	12	levabuterol tartrate	10
		LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	32	LEVEMIR FLEXPEN SOPN	16
KLOXXADO LIQD	16	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125		LEVEMIR SOLN	16
KP PRENATAL MULTIVITAMINS		MCG, 250 MCG (digoxin)	32	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML	12
TABS	55	lansoprazole CPDR 15 MG	62	levetiracetam TABS 1000 MG	12
KRINTAFEL	22	lansoprazole CPDR 30 MG	62	levetiracetam TABS 250 MG, 750	12
KYPROLIS	25	lanthanum carbonate CHEW	47	MG	12
labetalol hcl SOLN	31	lapatinib ditosylate	25	levetiracetam TABS 500 MG	12
labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	31	LASTACRAFT	57	levetiracetam TB24	12
labetalol hcl TABS 300 MG	31	latanoprost SOLN	58	levobunolol hcl 0.5 %	56
lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML .	12	leflunomide	5	levocetirizine dihydrochloride SOLN	18
lacosamide TABS	12	LEMTRADA	59	levocetirizine dihydrochloride TABS	18
lactated ringer's (irrigation)	54	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,		levofloxacin (ophth) 0.5 %	57
lactic acid (ammonium lactate) CREA		15 MG, 25 MG	53	levofloxacin in d5w 500 MG/100ML	46
.....	40	lenalidomide 20 MG	53	levofloxacin SOLN PO	46
lactic acid (ammonium lactate) LOTN		LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) .	23	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG .	46
12 %	40	LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) .	23	levofloxacin TABS 500 MG	46
lactulose (encephalopathy)	46	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) .	23	levonorgestrel & eth estradiol TABS	34
lactulose SOLN	49	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) .	23	levonorgestrel (emergency oc) 1.5	
lamivudine (hbv) TABS	30	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) .	23	MG	34
lamivudine SOLN	29	LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) .	23		
lamivudine TABS 150 MG	29	LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..	23		
lamivudine TABS 300 MG	29	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..	23		
lamivudine-zidovudine	29	letrozole	24		
		leucovorin calcium SOLR	26		

levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	34	lithium carbonate TABS	27	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG	34	lithium carbonate TBCR	27	lovastatin TABS 40 MG	19
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	34	LO LOESTRIN FE TABS	34	loxapine succinate	28
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 34		lofexidine hcl	59	lubiprostone	46
levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	LOKELMA	54	LUCEMYRA (lofexidine hcl)	59
levothyroxine sodium TABS	61	lomustine 10 MG	23	luliconazole	37
lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	54	lomustine 40 MG, 100 MG	23	LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	25
lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	54	loperamide hcl CAPS	16	LUMAKRAS 320 MG	25
lidocaine hcl GEL 2 %	41	lopinavir-ritonavir SOLN	29	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	24
lidocaine hcl PRSY	41	lopinavir-ritonavir TABS	29	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	24
lidocaine hcl SOLN	41	LOQTORZI	24	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	24
lidocaine PTCH 5 %	41	loratadine CAPS	18	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	24
lidocaine-prilocaine CREA	41	loratadine CHEW	18	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	27
lincomycin hcl	21	loratadine SOLN	18	lurasidone hcl 80 MG	27
linezolid SUSR	21	loratadine TABS	18	LYNPARZA TABS	26
linezolid TABS	21	loratadine TBDP	18	LYSODREN	24
LINZESS	46	lorazepam CONC	9	mafenide acetate PACK	38
liothyronine sodium SOLN	61	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	9	malathion	41
liothyronine sodium TABS	61	lorazepam TABS 1 MG	9	maraviroc TABS 150 MG	29
liraglutide	15	LORBRENA	25	maraviroc TABS 300 MG	29
lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1		losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20	MARPLAN	13
lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1		losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG .	20	MASONATAL TABS	55
lisinopril & hydrochlorothiazide	20	losartan potassium	19	MATRONEX TABS	55
lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19	LOTEMAX OINT	57	MATULANE	26
lithium	27	loteprednol etabonate GEL	57	MAVYRET TABS	30
lithium carbonate CAPS	27	loteprednol etabonate SUSP	57	MAXIDEX SUSP OP	57
		loteprednol etabonate-tobramycin	57	MAXX MISC	50
				MAXX PLUS MISC	50

meclizine hcl TABS 12.5 MG 17	meprobamate 8	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML 23
meclizine hcl TABS 25 MG 17	mercaptapurine TABS 23	methotrexate sodium SOLR 23
meclofenamate sodium CAPS 4	mesalamine CP24 46	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23
MEDROL TABS 35	mesalamine CPDR 46	methoxsalen rapid 38
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM 34	mesalamine ENEM 46	methscopolamine bromide 61
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM 34	mesalamine SUPP 46	methsuximide 13
medroxyprogesterone acetate 10 MG 59	mesalamine TBEC 1.2 GM 46	methyl dopa TABS 20
medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG 59	mesalamine TBEC 800 MG 46	METHYLIN SOLN (methylphenidate hcl) 1
mefenamic acid CAPS 4	metaxalone 800 MG 56	methylphenidate hcl CHEW 10 MG . 1
mefloquine hcl 22	metformin hcl TABS 1000 MG 15	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 1
megestrol acetate (appetite) 59	metformin hcl TABS 500 MG 15	methylphenidate hcl CHEW 5 MG .. 1
megestrol acetate SUSP 24	metformin hcl TABS 850 MG 15	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG 1
megestrol acetate TABS 24	metformin hcl TB24 500 MG 15	methylphenidate hcl CP24 30 MG .. 2
MEKINIST TABS 0.5 MG 26	metformin hcl TB24 750 MG 15	methylphenidate hcl CP24 2
MEKINIST TABS 2 MG 26	methadone hcl CONC 6	methylphenidate hcl CPCR 2
meloxicam TABS 4	METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl) 6	methylphenidate hcl SOLN 2
melphalan 23	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML . 6	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG 2
melphalan hcl IV 23	methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML 6	methylphenidate hcl TABS 5 MG ... 2
memantine hcl TABS 59	methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML 6	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG 2
MENEST 2.5 MG 45	methadone hcl TABS 10 MG 6	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG 2
MENOSTAR PTWK 45	methadone hcl TABS 5 MG 6	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG 2
MENQUADFI 0.5 ML 63	methadone hcl TBSO 6	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG 2
MENVEO SOLR 63	methamphetamine hcl 1	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG 2
meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML 6	methazolamide TABS 43	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG 2
meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML 6	methenamine hippurate 21	
meperidine hcl TABS 50 MG 6	methimazole TABS 61	
	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG 56	

methylphenidate PTCH	2	mexiletine hcl	9	56
methylprednisolone acetate SUSP	35	miconazole nitrate vaginal SUPP	200	mometasone furoate CREA
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	35	MG	65	mometasone furoate OINT
methylprednisolone TABS	35	midodrine hcl	65	mometasone furoate SOLN
methylprednisolone TBPK	35	mifepristone	45	montelukast sodium CHEW
methyltestosterone TABS	7	miglitol	14	montelukast sodium PACK
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	46	miglustat	48	montelukast sodium TABS
metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	46	milnacipran hcl MISC	59	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG
metoclopramide hcl TABS	46	milnacipran hcl TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 100 MG	59	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML
metolazone	44	minocycline hcl CAPS	61	morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	20	minocycline hcl TABS	61	morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	20	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21	morphine sulfate TABS
metoprolol succinate TB24 200 MG 31		mirabegron TB24	62	morphine sulfate TBCR
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	31	MIRCERA	48	MOTOFEN
metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	31	mirtazapine TABS	13	MOVANTIK
metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	31	mirtazapine TBDP	13	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP
metronidazole (topical) CREA	41	misoprostol	62	57
metronidazole (topical) GEL 0.75 % 41		mitomycin SOLR IV 20 MG	25	moxifloxacin hcl in sodium chloride 46
metronidazole (topical) GEL 1 % ..	41	mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML ..	25	moxifloxacin hcl TABS
metronidazole (topical) LOTN	41	M-M-R II SOLR	64	MRESVIA
metronidazole TABS 250 MG, 500 MG	21	M-NATAL PLUS TABS	55	MULTI PRENATAL TABS
metronidazole vaginal	65	MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML . 64		mupirocin OINT
		modafinil 100 MG	2	MVASI
		modafinil 200 MG	2	MYALEPT
		MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	64	mycophenolate mofetil CAPS
		MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	64	mycophenolate mofetil TABS
		moexipril hcl	19	mycophenolate sodium
		mometasone furoate (nasal) SUSP		

MYLERAN TABS	23	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	57	niacinamide TABS 500 MG	65
nabumetone	4	neomycin-polymy-dexameth OINT	57	nicardipine hcl CAPS	32
nadolol TABS 20 MG	31	neomycin-polymy-dexameth SUSP		nicardipine hcl SOLN	32
nadolol TABS 40 MG	31	0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML,		NICOTINE KIT	60
nadolol TABS 80 MG	31	0.1 %	57	nicotine polacrilex GUM	60
nafticillin sodium IV 10 GM	58	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	57	nicotine polacrilex LOZG	60
naftifine hcl CREA 1 %	37	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	58	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14	
naftifine hcl CREA 2 %	37	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	58	MG/24HR, 21 MG/24HR	60
naloxone hcl LIQD	16	NEONATAL COMPLETE TABS 120		NICOTROL INHA	60
naloxone hcl SOCT	17	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10		NICOTROL NS SOLN	60
naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4		MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-		nifedipine CAPS 10 MG	32
MG/10ML	17	27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2		nifedipine CAPS 20 MG	32
naloxone hcl SOSY	17	MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	55	nifedipine TB24 60 MG	32
naltrexone hcl	17	NEONATAL PLUS TABS	55	nifedipine TB24 90 MG	32
naproxen sodium TABS 550 MG ...	4	NEONATAL PRENATAL TABS ...	55	nifedipine TB24	32
naproxen SUSP	4	NEONATAL VITAMIN TABS	55	nilutamide	24
naproxen TABS	4	neostigmine methylsulfate SOSY .	22	nimodipine CAPS	32
naproxen TBEC 500 MG	4	NEO-SYNALAR	36	NIPENT	26
naratriptan hcl	52	NEUPRO	27	nisoldipine	32
NARCAN LIQD (naloxone hcl)	17	NEVANAC	57	nitazoxanide TABS	21
NATACYN	57	nevirapine SUSP	29	nitisinone CAPS	45
NATAZIA	34	nevirapine TABS	29	NITRO-BID OINT	8
nateglinide	16	nevirapine TB24 400 MG	29	nitrofurantoin	21
NAYZILAM	11	NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	62	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,	
nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG		NEXTSTELLIS	34	100 MG	22
31		niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19	nitrofurantoin monohyd macro	22
nebivolol hcl 20 MG	31	niacin CPCR 250 MG, 500 MG ...	66	nitroglycerin (intra-anal)	8
NEBUSAL NEBU	35	NIACIN ER TBCR	65	nitroglycerin CPCR	8
nefazodone hcl	14	niacin TABS	66	nitroglycerin PT24	8
nelarabine	23	niacin TBCR	66	NITROGLYCERIN SOLN IV	8
neomycin sulfate TABS	2	niacinamide TABS 100 MG	66	nitroglycerin SUBL	8

NIVA-PLUS TABS	55	(desipramine hcl)	14	nystatin TABS	17
nizatidine CAPS	62	nortriptyline hcl CAPS	14	nystatin-triamcinolone CREA	37
NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 30 MG/3ML	44	nortriptyline hcl SOLN	14	nystatin-triamcinolone OINT	37
NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	44	NORVIR CAPS	29	NYVEPRIA	48
norelgestromin-ethinyl estradiol ...	34	NORVIR PACK	29	octreotide acetate SOLN	45
norethin acet & estrad-fe CAPS ...	34	NOVA MAX PLUS KETONE TEST 42		ODEFSEY	29
norethin acet & estrad-fe CHEW ...	34	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	64	ODOMZO	24
norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	34	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	64	OFEV	60
norethindrone & eth estradiol	34	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	ofloxacin (ophth)	57
norethindrone & ethinyl estradiol-fe 34		NOVOLIN 70/30 SUSP	16	ofloxacin (otic)	58
norethindrone (contraceptive)	34	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16	ofloxacin 300 MG, 400 MG	46
norethindrone acet & eth estra TABS 34		NOVOLIN N SUSP	16	OGIVRI	24
norethindrone acetate TABS	59	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ...	16	olanzapine SOLR	28
norethindrone acetate-ethinyl estradiol	45	NOVOLIN R SOLN IJ	16	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ...	28
norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	34	NOVOLOG FLEXPEN SOPN	16	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	28
norethindrone-eth estradiol (triphasic)	34	NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	16	olanzapine TBDP 20 MG	28
norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	34	NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	16	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	28
norgestimate-ethinyl estradiol	34	NOVOLOG PENFILL SOCT	16	olmesartan medoxomil	19
norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	34	NOVOLOG SOLN IJ	16	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	20
NORMOSOL-M IN D5W	53	NP THYROID TABS	61	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	20
NORMOSOL-R PH 7.4	53	NUBEQA	24	olopatadine hcl (nasal)	56
NORPRAMIN TABS 10 MG, 25 MG		NUEDEXTA	60	olopatadine hcl 0.1 %	57
		NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	64	olopatadine hcl 0.2 %	57
		nystatin (mouth-throat)	54	omega-3-acid ethyl esters	18
		nystatin (topical) CREA	37	omeprazole CPDR	62
		nystatin (topical) OINT	37	omeprazole magnesium CPDR ...	62
		nystatin (topical) POWD EX	37	omeprazole TBEC	62

omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	62	OTEZLA TABS	4	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	
OMNIFLEX DIAPHRAGM	50	OTEZLA TBPK	5	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	15
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	15
ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML	17	OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK	4	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...	15
ondansetron hcl SOSY	17	OTREXUP SOAJ 10 MG/0.4ML, 12.5 MG/0.4ML, 15 MG/0.4ML, 17.5 MG/0.4ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.4ML, 25 MG/0.4ML	2	paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	26
ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxacillin sodium IV 10 GM	58	paclitaxel protein-bound particles .	27
ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23	paliperidone	28
ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxaprozin TABS	4	palonosetron hcl SOLN	17
ondansetron TBDP 4 MG	17	oxazepam CAPS	9	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	44
ondansetron TBDP 8 MG	17	oxcarbazepine SUSP	12	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 44	
ONE STEP PREGNANCY	42	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12	PANRETIN	37
ONE VITE WOMENS PLUS TABS 55		oxcarbazepine TABS 600 MG	12	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 62	
ONE VITE WOMENS TABS	55	oxiconazole nitrate CREA	37	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 62	
ONE-STEP PREGNANCY	42	OXISTAT LOTN	37	paricalcitol CAPS	45
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	51	oxybutynin chloride SOLN	62	paricalcitol SOLN	45
OPILL	34	oxybutynin chloride TABS 5 MG ..	62	paroxetine hcl SUSP	13
OPVEE NA	17	oxybutynin chloride TB24	62	paroxetine hcl TABS	14
ORENITRAM TBCR	32	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG	6	paroxetine hcl TB24	14
ORGOVYX	24	oxycodone hcl TABS	6	pazopanib hcl	26
ORLISSA	44	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	PEDIARIX SUSY	61
ORKAMBI PACK	60	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7	pediatric multivitamins w/fl CHEW .	54
ORKAMBI TABS	60	oxymorphone hcl TABS	6	PEDVAX HIB SUSP	63
ORLADEYO	47	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	49
orphenadrine citrate TB12	56			peg 3350-kcl-sod bicarb-sod	
oseltamivir phosphate CAPS	31				
oseltamivir phosphate SUSR	31				
OSPHENA	44				

chloride-sod sulfate SOLR 236 GM 49	permethrin CREA 41	pioglitazone hcl16
peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride49	permethrin LIQD EX 41	pioglitazone hcl-glimepiride 14
PEGASYS SOLN 30	perphenazine TABS 28	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 14
PEGASYS SOSY 30	perphenazine-amitriptyline 59	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .26
pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23	PERSERIS PRSY28	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .26
PENBRAYA 63	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP64	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .26
penciclovir38	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP64	pirfenidone CAPS60
penicillamine CAPS53	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG47	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 60
penicillamine TABS 53	phendimetrazine tartrate TABS 1	pirfenidone TABS 534 MG60
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .58	phenelzine sulfate13	piroxicam CAPS4
penicillin g potassium 5000000 UNIT 58	phenobarbital ELIX48	PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L 53
penicillin g sodium58	phenobarbital TABS48	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) .53
penicillin v potassium SOLR58	phenoxybenzamine hcl19	PLEGRIDY SOAJ60
penicillin v potassium TABS 58	phentermine hcl CAPS1	PLEGRIDY SOSY SC 60
PENMENVY SUSR IM63	phenytoin CHEW13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 59
PENTACEL61	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC59
pentamidine isethionate IN 21	phenytoin sodium SOLN13	PNEUMOVAX 23 SOLN63
pentazocine w/ naloxone hcl 7	phenytoin SUSP 13	PNEUMOVAX 23 SOSY63
pentoxifylline47	PHEXX 65	podofilox SOLN 41
perampanel TABS 2 MG11	PHEXXI65	polymyxin b-trimethoprim 57
perampanel TABS 4 MG11	PHOTOFRIN 26	pomalidomide 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG 25
perampanel TABS 6 MG11	PIFELTRO30	POMALYST 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG (pomalidomide)25
perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG 11	pilocarpine hcl (oral)54	posaconazole SUSP18
perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .19	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 56	posaconazole TBEC18
perindopril erbumine 4 MG 19	pimecrolimus 40	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML .
PERIOMED CONC 0.63 %54	pimozide60	
	pindolol TABS31	

53	praziquantel	8	0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG
potassium bicarbonate TBEF	53	prazosin hcl CAPS	20
potassium chloride CPCR	53	PRECISION XTRA KETONE	42
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	53	PRED MILD	57
potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L	53	prednisolone acetate (ophth)	57
potassium chloride microencapsulated crystals er	53	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	57
potassium chloride PACK PO 20 MEQ	53	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	35
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)	53	prednisolone sodium phosphate TBDP	35
potassium chloride SOLN PO 10 %, 10 %	53	prednisolone SOLN	35
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	53	prednisolone TABS	35
potassium citrate (alkalinizer) TBCR	47	prednisone SOLN	35
potassium phosphates 45 MMOLE/15ML	53	prednisone TABS 1 MG, 5 MG	35
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	36	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	35
pralatrexate 20 MG/ML	23	prednisone TBPK	35
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	27	pregabalin (once-daily) 330 MG	60
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	27	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	60
prasugrel hcl	48	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12	
pravastatin sodium	19	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	12
		pregabalin SOLN	12
		PREGNANCY TEST	42
		PREGNYL IM	44
		PREHEVBRIO	64
		PREMARIN	65
		PREMARIN SOLR	45
		PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG,	
		(estrogens, conjugated)	45
		PREMPHASE	45
		PREMPRO	45
		PRENATAL ONE DAILY TABS	55
		PRENATAL PLUS TABS	55
		PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	55
		PRENATAL TABS	55
		PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	55
		PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	55
		PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	55
		PRENATRIX TABS	55
		PRENATRYL TABS	55
		PREVNAR 13	63
		PREVNAR 20	63
		PREZCOBIX	30
		PREZISTA SUSP	30
		PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	30
		PRIFTIN	22
		primaquine phosphate TABS	22
		primidone 50 MG, 250 MG	12
		PRIORIX SUSR	64

SOCT	19	risperidone TBDP	28	SAVELLA TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 100 MG (milnacipran hcl)	59
REPATHA SOSY	19	ritonavir TABS	30	SAVELLA TITRATION PACK MISC (milnacipran hcl)	59
REPATHA SURECLICK SOAJ	19	rivaroxaban SUSR 1 MG/ML	10	saxagliptin hcl	15
RETACRIT	48	rivaroxaban TABS 2.5 MG	10	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG	15
RETROVIR SOLN	30	rivastigmine tartrate CAPS	59	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	15
REXTOVY LIQD	17	RIVIVE LIQD	17	SB PREGNANCY TEST KIT	43
REXULTI	28	rizatriptan benzoate TABS 10 MG ..	52	scopolamine	17
REZENOPY LIQD 10 MG/0.11ML ..	17	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	52	SELECT INSULIN SYRINGES	51
REZVOGLAR KWIKPEN	16	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG ..	52	SELECT LANCETS	51
ribavirin (hepatitis c) CAPS	30	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	52	selegiline hcl CAPS	27
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 30		roflumilast	9	selegiline hcl TABS	27
RIDAURA	3	romidepsin SOLR	26	selenium sulfide LOTN 2.5 %	38
rifabutin	22	ropinirole hydrochloride TABS	27	SELZENTRY SOLN	30
rifampin CAPS	22	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	27	SEREVENT DISKUS	10
rifampin SOLR	22	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	27	sertraline hcl CONC	14
rilpivirine hcl 25 MG	30	rosuvastatin calcium TABS	19	sertraline hcl TABS	14
riluzole TABS	56	ROTARIX SUSP	64	sevelamer carbonate PACK	47
rimantadine hydrochloride TABS ..	31	ROTATEQ SOLN	64	sevelamer carbonate TABS	47
ringer's	53	ROZLYTREK CAPS	26	SHINGRIX	65
ringer's irrigation	54	RUBRACA	26	SHINGRIX IM 50 MCG/0.5ML	65
RINVOQ LQ SOLN	2	rufinamide SUSP	12	SIGNIFOR	45
RINVOQ TB24	2	rufinamide TABS 200 MG	12	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	32
risedronate sodium TABS 150 MG	44	rufinamide TABS 400 MG	12	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	32
risedronate sodium TABS 35 MG ..	44	RUXIENCE 100 MG/10ML	24	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	33
risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	44	RUXIENCE 500 MG/50ML	24	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	32
risedronate sodium TBEC	44	RYBELSUS TABS	15	sildenafil citrate	32
risperidone microspheres	28	sacubitril-valsartan TABS	32		
risperidone SOLN	28	salsalate	5		
risperidone TABS	28	SANTYL OINT	40		

silodosin	47	CO 15 GM/60ML	54	stannous fluoride CONC	54
silver sulfadiazine	38	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	49	STELARA 130 MG/26ML	46
SIMLANDI (1 PEN) AJKT	3	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	30	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	38
SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	3	solifenacin succinate TABS	62	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	38
SIMLANDI (2 PEN) AJKT	3	SOLIQUA	15	STELARA SOSY 90 MG/ML	38
SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	3	SOLU-CORTEF 250 MG	35	STEQEYMA	46
SIMPONI ARIA SOLN	3	SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG 35		STEQEYMA 45 MG/0.5ML	38
SIMULECT	54	SOLU-MEDROL 2 GM	35	STEQEYMA 90 MG/ML	38
simvastatin TABS	19	sorafenib tosylate	26	STIOLTO RESPIMAT	10
sirolimus TABS	54	SORBITOL 3 %	47	STIVARGA	26
SIRTURO	22	SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	47	streptomycin sulfate SOLR	2
SKYRIZI PEN SOAJ	38	sotalol hcl (afib/af)	31	STRIBILD	30
SKYRIZI SOCT	46	sotalol hcl TABS 240 MG	31	STRIVERDI RESPIMAT	10
SKYRIZI SOLN	46	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	31	SUBLOCADE SOSY	7
SKYRIZI SOSY	38	SOVALDI TABS 200 MG	30	SUBOXONE FILM SL (buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate)	7
SLYND	34	SOVALDI TABS 400 MG	30	sucralfate SUSP	62
SM PREGNANCY TEST KIT	43	SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	65	sucralfate TABS	62
SM PRENATAL VITAMINS TABS	55	SPIKEVAX SUSP	65	sulconazole nitrate CREA	37
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	53	SPIKEVAX SUSY	65	sulconazole nitrate SOLN	37
sodium acetate SOLN	53	spinosad	41	sulfacetamide sodium (acne)	36
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	47	SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 57	
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	35	spironolactone & hydrochlorothiazide	43	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	36
sodium citrate & citric acid	47	spironolactone TABS	43	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	36
sodium fluoride CHEW	53	SPRAVATO (56 MG DOSE)	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	36
sodium phenylbutyrate POWD	45	SPRAVATO (84 MG DOSE)	13	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	57
sodium phenylbutyrate TABS	45				
sodium polystyrene sulfonate POWD 54					
sodium polystyrene sulfonate SUSP					

sulfadiazine TABS	60	TABLOID	23	TEMODAR SOLR	23
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	tacrolimus (topical) OINT	40	temozolomide CAPS	23
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	tacrolimus CAPS	54	temsirolimus	26
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus SOLN 5 MG/ML	54	TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	61
SULFAMYLON CREA	38	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	33	tenofovir disoproxil fumarate TABS 30	
sulfasalazine TABS	46	tadalafil 5 MG	32	terazosin hcl	20
sulfasalazine TBEC	46	TAFINLAR CAPS	26	terbinafine hcl TABS	17
sulindac TABS	4	tafluprost	58	terbutaline sulfate SOLN	10
sumatriptan	52	TAGRISSO 40 MG	24	terbutaline sulfate TABS	10
sumatriptan succinate SOAJ	52	TAGRISSO 80 MG	24	terconazole vaginal CREA	65
sumatriptan succinate SOCT	52	TAKHZYRO SOLN	47	terconazole vaginal SUPP	65
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	52	TAKHZYRO SOSY	47	teriflunomide	60
sumatriptan succinate TABS	52	TALZENNA	26	teriparatide SOPN	44
sumatriptan-naproxen sodium	52	tamoxifen citrate TABS	24	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	8
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	26	tamsulosin hcl	47	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
sunitinib malate 37.5 MG	26	tavorole	37	testosterone enanthate SOLN IM ...	8
SUNOSI 150 MG	1	tazarotene CREA 0.1 %	38	TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	61
SUNOSI 75 MG	1	TAZVERIK	26	tetrabenazine	59
SYMTUZA	30	TDVAX SUSP	61	tetracycline hcl CAPS	61
SYNAREL	44	TEFLARO 400 MG, 600 MG (ceftaroline fosamil)	33	THALOMID	53
SYNJARDY TABS	15	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		theophylline ELIX	10
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12		theophylline SOLN	10
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	telmisartan	19	theophylline TB12	10
SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	61	telmisartan-amlodipine	20	theophylline TB24	10
		telmisartan-hydrochlorothiazide ..	20	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	55
		temazepam 15 MG, 30 MG	49	thioridazine hcl	28
		temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	49	thiotepa 15 MG	23

thiothixene	28	topiramate TABS 25 MG, 100 MG	12	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	38
THYMOGLOBULIN	54	topiramate TABS 50 MG	12	TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	
THYROGEN 0.9 MG	41	topotecan hcl SOLR	27	46	
tiagabine hcl	13	toremifene citrate	24	TREMFYA-CD/UC INDUCTION	
ticagrelor 60 MG, 90 MG	48	torsemide TABS	43	SOAJ SC 200 MG/2ML	46
timolol maleate (ophth) SOLG	56	TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)		treprostinil SOLN IJ	32
timolol maleate (ophth) SOLN	56	32	TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	16
timolol maleate TABS	31	tramadol hcl TABS 50 MG	6	TRESIBA SOLN	16
tinidazole	21	tramadol hcl TB24	6	tretinoin (chemotherapy)	26
tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG		tramadol-acetaminophen	7	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1	
.....	9	trandolapril 1 MG, 2 MG	19	%	36
TIVICAY PD TBSO	30	trandolapril 4 MG	19	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	36
TIVICAY TABS 50 MG	30	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2		tretinoin microsphere 0.1 %	36
tizanidine hcl CAPS	56	MG, 240 MG-1 MG	20	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10	
tizanidine hcl TABS	56	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2		MG, 15 MG	23
tobramycin (ophth) SOLN	57	MG, 240 MG-4 MG	20	triamcinolone acetonide (mouth) ..	54
tobramycin NEBU	2	tranexamic acid SOLN 1000		triamcinolone acetonide (nasal)	
tobramycin-dexamethasone SUSP		MG/10ML	48	AERO	56
57		tranexamic acid TABS	48	triamcinolone acetonide (topical)	
TODAY SPONGE MISC	65	tranylcypromine sulfate	13	CREA 0.025 %	40
tolcapone	27	travoprost SOLN	58	triamcinolone acetonide (topical)	
tolmetin sodium CAPS	4	TRAZIMERA	24	CREA 0.1 %	40
tolmetin sodium TABS 600 MG	4	trazodone hcl TABS	14	triamcinolone acetonide (topical)	
TOLSURA CAPS	18	TRELEGY ELLIPTA	10	CREA 0.5 %	40
tolterodine tartrate CP24	62	TRELSTAR MIXJECT	24	triamcinolone acetonide (topical)	
tolterodine tartrate TABS	62	TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC		LOTN 0.025 %	40
tolvaptan TABS	45	100 MG/ML	38	triamcinolone acetonide (topical)	
topiramate CPSP 15 MG	12	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML		LOTN 0.1 %	40
topiramate CPSP 25 MG	12	38		OINT 0.025 %, 0.1 %	40
topiramate CS24	12	TREMFYA PEN SOAJ SC 200		triamcinolone acetonide (topical)	
topiramate TABS 200 MG	12	MG/2ML	46	OINT 0.5 %	40
		TREMFYA SOLN IV	46	triamcinolone acetonide SUSP 40	
				MG/ML	35

triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	43	tropicamide SOLN 0.5 %	56	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC .	51
triamterene & hydrochlorothiazide TABS	43	tropicamide SOLN 1 %	56	TRUSTEX-NONOXYNOL-	
triamterene CAPS	43	trospium chloride CP24	62	9/RIB/STUD MISC	51
triazolam	49	trospium chloride TABS	62	TRUXIMA	24
TRICARE TABS	55	TRUE COVER DEVI	50	TUKYSA	24
trientine hcl 250 MG	53	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	43	TURALIO 125 MG	26
trifluoperazine hcl TABS	28	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...	51	TWINRIX SUSY	65
trifluridine	57	TRULANCE	46	TWIRLA	34
trihexyphenidyl hcl SOLN	27	TRULICITY 0.75 MG/0.5ML, 1.5 MG/0.5ML	15	TYBLUME CHEW	34
trihexyphenidyl hcl TABS	27	TRULICITY 3 MG/0.5ML, 4.5 MG/0.5ML	15	TYBOST	30
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	15	TRUMENBA 0.5 ML	63	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	32
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	50	TYVASO SOLN IN	32
TRIKAFTA TBPK	60	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	50	TYVASO STARTER KIT SOLN IN	32
trimethobenzamide hcl CAPS	17	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	50	UBRELVY	52
trimethoprim TABS	21	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	50	UDENYCA ONBODY SOSY	48
trimipramine maleate CAPS	14	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	50	UDENYCA SOAJ	48
TRINTELLIX	14	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	50	UDENYCA SOSY	48
TRIUMEQ PD TBSO	30	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	51	umeclidinium-vilanterol	10
TRIUMEQ TABS	30	TRUSTEX		UPTRAVI TABS 200 MCG	33
TROJAN BARESKIN DEVI	50	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	51	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	33
TROJAN MAGNUM MISC	50	51		UPTRAVI TITRATION TBPK	33
TROJAN ULTRA THIN MISC	50	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	51	ursodiol CAPS	46
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	50	51		ursodiol TABS	46
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	50	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	51	UVADEX	26
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC .	50			VABRINTY KIT SC 7.5 MG	25
				VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25
				valacyclovir hcl 1 GM	30

valacyclovir hcl 500 MG	30	verapamil hcl CP24 120 MG, 180	32	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	51
valganciclovir hcl TABS	30	MG, 240 MG, 360 MG	32	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	51
valproate sodium SOLN PO 250		verapamil hcl TABS	32	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	51
MG/5ML, 500 MG/10ML	13	verapamil hcl TBCR	32	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	51
valproic acid CAPS	13	VEREGEN	36	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	51
valrubicin	25	VERZENIO	26	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	51
valsartan TABS	19	vigabatrin PACK	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	51
valsartan-hydrochlorothiazide	20	vigabatrin TABS	13	XALKORI CAPS	26
vancomycin hcl CAPS	21	vilazodone hcl TABS	14	XARELTO STARTER PACK TBPK	
vancomycin hcl SOLR PO 25		vincristine sulfate	27	11	
MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .	21	vinorelbine tartrate 10 MG/ML	27	XARELTO SUSR 1 MG/ML	
VAQTA	65	VIRACEPT TABS 250 MG	30	(rivaroxaban)	11
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50		VIRACEPT TABS 625 MG	30	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11
UNIT/ML	65	VIREAD POWD	30	XARELTO TABS 15 MG	11
varenicline tartrate TABS	60	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG,		XELJANZ SOLN	2
varenicline tartrate TBPK	60	250 MG	30	XELJANZ TABS 10 MG	2
VARIVAX SUSR	65	VISTOGARD	16	XELJANZ TABS 5 MG	2
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK ...	17	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	65	XELJANZ XR TB24	2
VAXELIS SUSP	61	VITATHELY WITH GINGER TABS		XHANCE EXHU	56
VAXELIS SUSY	61	55		XIFAXAN 200 MG	21
VAXNEUVANCE	63	VITRAKVI CAPS	26	XIFAXAN 550 MG	21
VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE		VITRAKVI SOLN	26	XIGDUO XR (dapagliflozin	
FILM	65	VIVITROL	17	propanediol-metformin hcl)	15
VECAMYL	20	VIZIMPRO	24	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500	
VECTIBIX 100 MG/5ML	24	VORAXAZE	26	MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15
VEMLIDY	30	voriconazole TABS	18	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000	
venlafaxine hcl CP24	14	VOSEVI	30	MG-5 MG	15
venlafaxine hcl TABS	14	warfarin sodium TABS	10	XOSPATA	26
venlafaxine hcl TB24	14	water for irrigation, sterile	54	XTANDI CAPS	25
VENTAVIS IN 10 MCG/ML	32	WESTAB PLUS TABS	55	XTANDI TABS 40 MG	25
verapamil hcl CP24 100 MG, 200		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	51	XTANDI TABS 80 MG	25
MG, 300 MG	32			XULTOPHY	15

XYZAL ALLERGY 24HR CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML ..18	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT43
YERVOY 24	ZEPATIER30
YESINTEK 130 MG/26ML 46	zidovudine CAPS 30
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML .. 38	zidovudine SYRP 30
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML .. 38	zidovudine TABS30
YESINTEK SOSY 90 MG/ML38	zileuton TB129
YEZTUGO SOLN 463.5 MG/1.5ML 30	ZIMHI SOSY 17
YEZTUGO TABS PO 300 MG30	ziprasidone hcl 27
YONSA25	ZIRABEV 24
YUFLYMA (1 PEN) AJKT3	ZIRGAN GEL57
YUFLYMA (2 PEN) AJKT3	ZOLADEX 10.8 MG25
YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT3	ZOLADEX 3.6 MG 25
YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT3	zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 44
zafirlukast9	ZOLINZA 26
zaleplon 10 MG49	zolmitriptan SOLN52
zaleplon 5 MG49	zolmitriptan TABS52
ZALTRAP 100 MG/4ML23	zolmitriptan TBDP52
ZANOSAR23	zolpidem tartrate TABS49
ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .13	zolpidem tartrate TBCR49
ZARXIO48	zonisamide CAPS12
ZEJULA TABS26	ZONTIVITY48
ZELBORAF26	ZUBSOLV SUBL 7
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT43	ZURNAI IJ 1.5 MG/0.5ML17
	ZYDELIG26
	ZYLET 0.3 %-0.5 % (loteprednol etabonate-tobramycin)57

Ambetter of Illinois is insured by Celtic Insurance Company, which is a Qualified Health Plan issuer in the Illinois Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. ©2025 Celtic Insurance Company, AmbetterHealth.com/en/il. For information on your right to receive an Ambetter of Illinois plan free of discrimination, or your right to receive language, auditory and/or visual assistance services, please visit AmbetterHealth.com and scroll to the bottom of the page.

Ambetter of Illinois được bảo trợ bởi Celtic Insurance Company, đây là đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Illinois. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2025 Celtic Insurance Company, AmbetterHealth.com/en/il. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter of Illinois mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.